

Bản án số: 26/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 21 - 7 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luân - Thư ký TAND huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21/ 7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm T, thôn Y, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội. Hiện cư trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội. Có mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1987. Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Xóm T, thôn Y, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2017, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Xuân C tại UBND xã T ngày 04/5/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh C. Vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không có tình cảm, anh C

không lo làm ăn kinh tế, thường xuyên chửi, đánh và đuổi chị khiến chị phải bỏ nhà anh C về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã P sinh sống từ tháng 11/2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, anh C không gọi chị về và chị cũng không quay về nhà anh C lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh C.

Chị và anh C có 02 con chung là: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Vân A, sinh ngày 21/7/2012, cả 02 con hiện đang ở với chị. Được ly hôn chị xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân lương cơ bản là 5.000.000 đ/tháng, làm thêm và phụ cấp là 3.000.000 đ/tháng. Tổng thu nhập là khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Chị xác định giữa chị và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh C nhiều lần nhưng anh C cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được quan điểm của anh:

Tiến hành thu thập chứng cứ tại gia đình anh C, bố, mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị N cung cấp: Hiện anh C vẫn thường xuyên chung sống với ông bà. Ông, bà biết Tòa án đã gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh C (giao tại nhà ông bà), anh C có nhận được nhưng không biết lý do gì anh không đến Tòa án làm việc. Ông, bà biết anh C, chị T kết hôn và có 02 con chung nhưng đã ly thân không còn sống chung với nhau hơn một năm nay. Chị T xin ly hôn và xin nuôi con sau ly hôn, theo ông, bà đó là quyền của anh, chị. Ông bà không có quan điểm gì. Anh C, chị T không có tài sản chung và không liên quan đến tài sản của gia đình ông, bà nên ông, bà không đề nghị giải quyết gì về vấn đề tài sản.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2017 cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/6/2010 trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu là chị T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về Tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn cố tình vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự về việc bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa lần thứ 2, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về Nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn - Anh Nguyễn Xuân C đang cư trú tại: Xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh C đã được tổng đạt hợp lệ: Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống, vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên đánh, cãi nhau, anh chị sống ly thân từ năm 2015 không ai quan tâm đến ai nữa. Chị T nộp đơn xin ly hôn, Tòa án thụ lý và thông báo phiên hòa giải để hòa giải anh chị về đoàn tụ nhưng anh C cố tình không đến tham gia phiên hòa giải. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích của đương sự.

2.2. Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Vân A, sinh ngày 21/7/2012, đều đang ở với chị T. Được ly hôn chị T xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T (đến thời điểm xét xử đã trên 07 tuổi) có nguyện vọng xin được ở với chị T. Bản thân anh C cố tình không đến Tòa án làm việc, Tòa án không ghi nhận được quan điểm của anh C về con chung. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cả 02 con chung cho chị T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác;

Anh C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không đề nghị giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV/QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1 và khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTV/QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

2. Về nuôi con chung sau ly hôn:

2.1. Giao 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Vân A, sinh ngày 21/7/2012 cho chị Hoàng Thị T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Hoàng Thị T. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Xuân C cho đến khi có quyết định thay đổi khác;

2.3. Anh Nguyễn Xuân C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2015/0002794, ngày 17/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết tại trụ sở UBND xã T.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Hoàng